

NĂNG LỰC TÁC ĐỘNG XÃ HỘI TRONG TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Phan Trọng Ngo

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Nghiên cứu được tiến hành trên 1170 học sinh 10 trường trung học cơ sở thuộc 5 tỉnh/thành trong cả nước. Kết quả đã xác định được năng lực tác động tới người khác của học sinh đạt mức trung bình. Năng lực tác động tới người khác của học sinh có tương quan với các yếu tố về phong cách, xu hướng giao tiếp và khí chất của học sinh trong giao tiếp và sự học tập giao tiếp từ người khác. Kết quả kiểm định tương quan hồi quy đa biến đã xác định được tính dự báo về ảnh hưởng của các yếu tố nêu trên. Những mô hình dự báo được phát hiện trong nghiên cứu là gợi ý hữu ích cho các bậc cha mẹ và giáo viên và học sinh, giúp nâng cao năng lực tác động xã hội trong trí tuệ xã hội của học sinh trung học cơ sở

Từ khóa: Trí tuệ xã hội; cấu trúc trí tuệ xã hội; năng lực tác động xã hội; Phong cách giao tiếp; Xu hướng giao tiếp; Khí chất; Học sinh trung học cơ sở.

1. Mở đầu

Trí tuệ xã hội là năng lực hiểu, hành động và kiểm soát một cách khôn ngoan các mối quan hệ xã hội của con người” [1]; là khả năng thiết lập, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với người khác và khiến cho họ sẵn sàng hợp tác” [2]. Trí tuệ xã hội là năng lực hiểu được hành vi của người khác (năng lực nhận thức xã hội) và năng lực tác động xã hội (năng lực ứng phó với những hành vi của người khác) trong giao tiếp của con người [3], [4]. Năng lực tác động xã hội là năng lực giao tiếp trôi chảy; khả năng phối hợp nhịp nhàng, ăn ý với người khác; năng lực tự thể hiện bản thân một cách ấn tượng, biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ, lời nói thể hiện sự tự tôn, tạo nên sức hút người khác, truyền đạt, lây lan cảm xúc, cởi mở, đồng thời biết điều khiển, che giấu những cảm xúc bất lợi, biết phép xử thế; biết sử dụng tài trí, uy tín, vị thế, để gây ảnh hưởng đến người khác trong giao tiếp [5]. Guilford xác định 6 thành phần của năng lực hành động xã hội trong giao tiếp: Thích nghi với các hoạt động kết nối các trạng thái tinh thần nội tại; khả năng tạo ra sự nhận biết các hành vi; khả năng thực hiện một hoạt động có ảnh hưởng đến người khác; khả năng duy trì chuỗi tương tác giữa người- người; khả năng thay đổi các hoạt động và khả năng dự đoán kết quả của một hoàn cảnh cụ thể nào đó [6]. Albrecht cho rằng trí tuệ xã hội có 5 thành phần, trong đó có năng lực giao tiếp hiệu quả (Clarity) là năng lực tác động đến người khác bằng ngôn ngữ và các biểu hiện phi ngôn ngữ một cách mạch lạc, sáng sủa, khúc chiết và lôi cuốn [2]. Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đều cho rằng *trí tuệ xã hội là năng lực giúp cho hoạt động giao tiếp của cá nhân với người khác trở nên thông minh hơn, dễ dàng và hiệu quả hơn. Người có trí tuệ xã hội cao là người luôn gặt hái thành công trong giao tiếp, ứng xử và trong việc thiết lập các quan hệ xã hội. Trí tuệ xã hội được đặc trưng bởi năng lực nhận thức xã hội và năng lực tác động xã hội* [4], [6], [7], [8], [9].

Ngày nhận bài: 21/11/2020. Ngày sửa bài: 29/12/2020. Ngày nhận đăng: 10/1/2021.

Tác giả liên hệ: Phan Trọng Ngo. Địa chỉ e-mail: ngotamly@gmail.com

Dưới góc độ thực tiễn, nhiều nghiên cứu xác định mức độ nhận thức và tác động xã hội trong trí tuệ xã hội của học sinh. Pintoa, Liliana Fariab, Maria và Taveirac [10] nghiên cứu 1171 học sinh lớp 8,10 và 11 ở miền Nam Bồ Đào Nha. Kết quả cho thấy các em đánh giá trí tuệ hành động xã hội của mình khá thấp. Kiều Thị Thanh Trà nghiên cứu năng lực thể hiện bản thân (theo mô hình của *Albrecht*) của 577 sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn tập trung ở mức trung bình [11]. Nghiên cứu của P. Suresh Prabu [12] và của Karanam Mahaboobvali, Dr. S. Vijaya Vardhini [13] cho thấy học sinh ở nông thôn có điểm trí tuệ xã hội cao hơn học sinh thành thị. Trong một nghiên cứu mới đây về trí tuệ xã hội và nhân cách của thanh thiếu niên, Sangeeta K. Rathod [14], đã đề cập đến trí tuệ xã hội của 100 (50 nam và 50 nữ) được chọn ngẫu nhiên tại thành phố Rajkot. Kết quả nghiên cứu cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ thanh thiếu niên về trí tuệ xã hội ở các mẫu khảo sát. Bài viết này mô tả kết quả nghiên cứu năng lực tác động đến người khác trong trí tuệ xã hội của học sinh trung học cơ sở, nhằm góp phần tạo lập cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao năng lực trí tuệ xã hội của học sinh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Thiết kế thang đo

Thang đo được thiết kế dưới dạng tự đánh giá về năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp, ứng xử và các yếu tố liên quan đến năng lực tác động của học sinh trung học cơ sở: Phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và việc học tập giao tiếp của học sinh.

Cấu trúc của thang đo gồm 107 item, được soạn thảo theo các chủ đề:

- Năng lực tác động đến người khác: với 7 chủ đề, mỗi chủ đề 5 items, tổng 35 items. *Phong cách giao tiếp*: 25 item, ứng với 5 phong cách điển hình (độc đoán; dân chủ và tự do; phong cách hướng đến con người và hướng đến công việc, nội dung trong giao tiếp). *Xu hướng giao tiếp*: 20 item, ứng với 4 xu hướng: Hướng đến lợi ích bản thân và hướng đến người khác; xu hướng hướng nội và hướng ngoại. *Khí chất*: 20 item, với 4 loại khí chất phổ biến: Nóng nảy, bình thản, linh hoạt và ưu tư. *Tác động của học tập giao tiếp từ người khác*: 7 item.

Các items và của cả bảng hỏi được tính theo thang điểm Likert với 5 mức độ: Mức rất thấp: 1 điểm; Mức thấp: 2 điểm; Mức trung bình: 3 điểm; Mức cao: 4 điểm và Mức rất cao: 5 điểm.

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Giá trị Alpha của Cronbach của các chủ đề cũng như của toàn thang đo đều đạt ngưỡng $> 0,86$ (giá trị tiêu chuẩn được khuyến cáo có thể sử dụng trong nghiên cứu khoa học xã hội là $> 0,67$).

Hệ số KMO = $0,917 > 0,5$: Phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả kiểm định Bartlett là 25879,97 với mức ý nghĩa sig. = $0,000 < 0,05$, chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

2.1.2. Cơ mẫu và đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

Tổng số học sinh được khảo sát là 1.131 em. Sau khi loại trừ những phiếu khảo sát không đủ thông tin theo yêu cầu, nghiên cứu còn 1110 học sinh từ 11 - 12 tuổi đến 15 tuổi, được chọn theo lớp học từ lớp 6 đến lớp 9, của 10 trường trung học cơ sở, trên địa bàn đô thị (5 trường) và nông thôn (5 trường) của 5 địa phương đại diện cho cả nước (mỗi tỉnh/thành phố 2 trường): Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Dương, Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

Đặc điểm nhân khẩu học của nhóm mẫu khảo sát: Giới tính: Nam: 565 em (48,30%; Nữ: 605 em (51,70%); Địa bàn sinh sống: Đô thị: 528 em (45,13%); Nông thôn: 642 (54,87%) ; Khối lớp 6: 269 em (22,99 %); Lớp 7: 304 em (29,98%) ; Lớp 8: 298 em (25,47%) và Lớp 9: 299 em

(21,65%). Theo thứ tự con trong gia đình: Con đầu/con một: 631 em (53,93%); con thứ/con út: 539 em (46,07%). Tham gia công tác tập thể (lớp trưởng, lớp phó v.v): 263 em (22,48%); Không tham gia: 907 em (77, 52%). Thành tích học tập năm trước (theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo): Mức giỏi: 762 em (65,12%) ; Mức khá: 331 em (28,29%) ; Mức trung bình và yếu: 77 em (6,59%). Tỷ lệ về thành tích học tập phù hợp với thực tiễn giáo dục ở Việt Nam những năm gần đây, với xu thế coi trọng thành tích của học sinh.

Các biến quan sát: Các hành động tác động đến người khác trong giao tiếp của học sinh THCS

Các biến liên quan: Phong cách giao tiếp; Xu hướng giao tiếp; Khí chất; Sự học tập giao tiếp từ người khác.

Các biến độc lập: Các yếu tố nhân khẩu - xã hội bao gồm: giới tính; địa bàn sinh sống; thứ tự con trong gia đình; mức độ tham gia các hoạt động tập thể; khối lớp; thành tích học tập trong năm trước của học sinh tham gia khảo sát.

2.1.3. Phân tích dữ liệu và phương pháp thống kê

Năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của học sinh và các yếu tố có liên quan được xác định theo hai tham số:

(i) Điểm trung bình (M), độ lệch điểm trung bình (SD), điểm thấp nhất, điểm cao nhất và điểm trung vị (tính theo thang 5 điểm). Điểm trung bình thang được tính theo công thức: điểm trung bình thang đo cộng/trừ 01 độ lệch chuẩn, các mức độ được phân chia cụ thể như sau: Mức 1 - rất thấp: từ 1,25 đến 2,13 điểm; Mức 2 - thấp: từ 2,131 đến 2,67 điểm; Mức 3 - trung bình: từ 2,671 đến 3,75, điểm; Mức 4 - cao: từ 3,751 đến 4,29 điểm; Mức 5 - rất cao: từ 4,291 đến 5 điểm.

(ii) Tỷ lệ % mức độ tác động xã hội, phong cách giao tiếp, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của các nhóm mẫu được xác định theo điểm trung bình và độ lệch điểm trung bình của từng chủ đề. Kết quả được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

Sự khác biệt về năng lực tác động xã hội trong giao tiếp được kiểm định theo phương pháp Independent T-test (nhị biến) và kiểm định Anova (đa biến); Mô hình hồi quy được sử dụng là Linear Regression do biến đầu ra (mức độ thái độ của học sinh) có phân phối chuẩn. Hệ số p trong các kiểm định được xác định là $p < 0,05$.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở

Bảng thang đo tự đánh giá mức độ năng lực tác động xã hội trong giao tiếp, theo thang 5 bậc, của học sinh THCS, kết quả được mô tả trong Bảng 1.

Bảng 1. Năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở (theo thang tự đánh giá của học sinh)

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tỷ lệ % các mức				
				Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	Năng lực tạo ấn tượng trong giao tiếp bằng cử chỉ, ngôn ngữ và trang phục	3.27	0.66	6.3	17.6	37.2	29.9	8.9
2	Năng lực tác động đến người khác bằng hành vi và ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng của mình	2.66	0.71	15.6	31.9	34.9	16.6	1.0
3	Thể hiện thái độ và chính kiến một cách mềm mỏng, nhẹ nhàng, có	3.10	0.62	6.8	20.1	44.1	24.2	4.8

	sức thuyết phục							
4	Lôi cuốn, hấp dẫn suy nghĩ và cảm xúc của người khác theo ý của mình	2.58	0.74	17.2	33.9	34.3	13.4	1.2
5	Năng lực tập trung chú ý vào việc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người khác	2.77	0.63	13.5	29.0	36.1	19.5	1.9
6	Truyền cảm xúc tích cực đến người khác bằng uy tín của mình	3.17	0.59	6.0	18.9	44.1	24.3	6.7
7	Phối hợp điệu bộ, cử chỉ của mình với cử chỉ của người khác tạo ra sự hoà hợp trong giao tiếp	3.41	0.67	4.0	13.5	38.5	31.7	10.4
Kết quả chung		2.95	0.54	9.91	22.55	40.66	22.48	4.40

Năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của học sinh THCS được khảo sát đạt mức trung bình theo thang đánh giá 5 bậc, được thể hiện qua trung bình điểm của 7 thành phần được khảo sát đạt 2.95 điểm, trong khoảng mức 3- mức trung bình (từ 2,671 đến 3,75 điểm). Điều này cũng được thể hiện số học sinh đạt mức rất thấp và mức rất cao chiếm tỉ lệ nhỏ (Mức rất thấp 9.91% và mức rất cao 4.4%); phần lớn đạt từ Mức thấp (Mức 2) đến Mức cao (Mức 4) trung bình (Mức 3), trong đó 40% số học sinh đạt mức trung bình (Mức 3).

Trong 7 thành phần biểu hiện năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của học sinh được khảo sát không có thành phần nào ở mức quá thấp (< 2,13 điểm); cũng không có thành phần nào đạt mức rất cao (>4,290 điểm). Có 2 thành phần đạt Mức thấp (< 2,671 điểm): Lôi cuốn, hấp dẫn suy nghĩ và cảm xúc của người khác theo ý của mình và năng lực tác động đến người khác bằng hành vi và ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng của mình; 5 thành phần còn lại đều đạt mức trung bình (từ 2,671 đến 3,75), trong đó điểm trung bình cao nhất là sự phối hợp điệu bộ, cử chỉ của mình với của người khác tạo ra sự hoà hợp trong giao tiếp (3.41 điểm/5). Kết quả các thành phần năng lực tác động xã hội của học sinh THCS cho thấy, những yếu tố phản ánh chiều sâu của các tác động xã hội, mang lại hiệu quả cao trong giao tiếp còn hạn chế. Điều này có thể do ngôn ngữ, khả năng kiểm soát cảm xúc, tập trung và làm chủ suy nghĩ, hành vi của các em trong giao tiếp còn hạn chế, do yếu tố lứa tuổi.

2.2.2. Năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở theo các tham số so sánh

Vấn đề đặt ra trong nghiên cứu là có sự khác biệt về năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở được khảo sát xét theo các tham số như giới tính, lớp học, địa bàn sinh sống, kết quả học tập v.v, của các em? kết quả khảo sát cho thấy như sau (Bảng 2).

Bảng 2. Năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở theo các tham số so sánh

TT	Yếu Tố		N	Mean	SD	Difference			
						Mean	SE	95%CI	P
1	Giới tính*	Nam	565	2.94	0.55	-0.09	0.03	-0.15	0.03
		Nữ	605	3.07	0.52				
2	Sinh Sống*	Nông thôn	642	3.03	0.54	0.07	0.03	0.01	0.14
		Thành	528	2.96	0.53				

		Thị								
3	Tham gia công tác*	Có	263	3.03	0.56	0.13	0.04	0.06	0.21	0.001
		Không	907	2.92	0.52					
4	Lớp**	6	269	2.94	0.56	-	-	-	-	-
		7	304	2.81	0.54	-0.07	0.04	-0.19	0.05	0.702
		8	298	2.99	0.54	0.03	0.04	-0.09	0.15	1.00
		9	299	3.05	0.49	0.09	0.04	-0.03	0.21	0.226
5	Thứ tự sinh*	Con đầu	631	2.96	0.53	0.002	0.03	-0.06	0.06	0.94
		Con thứ/ con út	539	2.95	0.55					
6	Học Tập**	Giỏi	762	3.04	0.55	-	-	-	-	-
		Khá	331	2.96	0.46	-0.05	0.04	-0.14	0.03	0.366
		Trung bình/yếu	77	2.74	0.62	-0.21*	0.06	-0.37	- 0.06	0.003

*Kiểm định independent T test; ** kiểm định Anova

Xét về điểm trung bình các mức độ năng lực tác động xã hội, kết quả khảo sát cho thấy, học sinh nữ có điểm trung bình về năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp *cao hơn* trung bình điểm của học sinh nam. Hệ số khác biệt trung bình về điểm số giữa Nam và Nữ là Mean = - 0,09, với $P < 0,05$, cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Tương tự điểm trung bình của học sinh sống ở nông thôn *cao hơn* một cách có nghĩa điểm trung bình của học sinh thành thị (Mean= 0.07; $P = 0.018$). Học sinh có tham gia các hoạt động tập thể (làm lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng v.v) có điểm trung bình về hành động tác động xã hội *cao hơn* học sinh không tham gia, với hệ số khác biệt trung bình Mean= 0,13; $P = 0.001$. Trong khi đó, giữa học sinh lớp 6 với học sinh các lớp 7,8,9; giữa học sinh là con đầu với học sinh là con thứ/ con út không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) về điểm trung bình hành động tác động xã hội trong trí tuệ xã hội. Dưới góc độ học tập, điểm trung bình năng lực tác động đến người khác của nhóm học sinh có điểm học tập trung bình/yếu thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với học sinh nhóm học giỏi.

Như vậy, với các giá trị kiểm định T- test và kiểm định Anova, cho thấy có sự khác biệt đáng kể về năng lực tác động xã hội giữa học sinh nữ (cao hơn) với học sinh nam; giữa học sinh nông thôn (cao hơn) học sinh thành thị; học sinh tham gia các hoạt động tập thể có năng lực tác động xã hội *cao hơn* học sinh không tham gia. Học sinh giỏi có năng lực tác động *cao hơn* học sinh học trung bình/ yếu. Không có sự khác biệt về năng lực tác động xã hội xét theo phương diện khối lớp học và theo thứ tự sinh trong gia đình.

2.2.3. Tương quan giữa năng lực tác động xã hội với các yếu tố phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của học sinh trung học cơ sở

Các yếu tố phong cách, xu hướng và khí chất cá nhân và học tập giao tiếp của người khác thường hiện diện trong việc thiết lập quan hệ xã hội, trong giao tiếp và ứng xử xã hội. Trong nghiên cứu này, những yếu tố trên được giả định có liên quan tới năng lực tác động xã hội của học sinh trung học cơ sở. Bảng 3 mô tả điểm trung bình về phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của các em và Bảng 5 mô tả kết quả kiểm định tương quan giữa điểm trung bình năng lực tác động xã hội với điểm trung bình của các yếu tố.

Bảng 3. Điểm trung bình về phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp của học sinh trung học cơ sở

Yếu Tố		Mean	SD	min	Max	Median
Năng lực tác động		2.95	0.54	1.25	5.00	2.99
Phong cách giao tiếp	Phong cách độc đoán	2.14	0.46	1.00	3.80	2.20
	Phong cách dân chủ	3.54	0.67	1.20	5.00	3.60
	Phong cách tự do	3.13	0.59	1.20	5.00	3.20
	Phong cách hướng đến công việc	3.22	0.57	1.40	5.00	3.20
	Phong cách hướng đến con người	3.35	0.63	1.00	5.00	3.40
Khí chất	Khí chất Nóng nảy	2.43	0.45	1.00	4.40	2.40
	Linh hoạt	3.25	0.67	1.00	5.00	3.20
	Ưu tư	3.12	0.80	1.00	5.00	3.20
	Bình thản	3.34	0.63	1.00	5.00	3.40
Xu hướng nhân cách	Hướng ngoại	2.36	0.46	1.00	4.00	2.40
	Hướng nội	3.08	0.69	1.00	5.00	3.00
	Hướng đến lợi ích người khác	3.41	0.64	1.20	5.00	3.40
	Hướng đến lợi ích bản thân	2.89	0.66	1.00	4.80	3.00
Học tập, giao tiếp		3.29	0.61	1.43	5.00	3.29

Trong ba loại phong cách giao tiếp phổ biến: Độc đoán, dân chủ, tự do, phong cách dân chủ có biểu hiện rõ ràng hơn so với hai phong cách kia (Mean=3.54). Phong cách giao tiếp độc đoán có điểm trung bình thấp nhất (đạt điểm dưới trung bình: 2.14 điểm/ 5 điểm). Theo khía cạnh khác, phong cách hướng đến con người, đến người khác có điểm trung bình lớn hơn phong cách hướng đến nội dung công việc trong giao tiếp của học sinh (3.35 điểm so với 3.22 điểm).

Có sự khác biệt khá rõ giữa xu hướng hướng nội và hướng ngoại trong giao tiếp của học sinh Trung học cơ sở được khảo sát; xu hướng hướng nội có điểm trung bình đạt mức trung bình (Mean = 3.08), còn điểm trung bình xu hướng ngoại khá thấp (Mean =2.36). Trong khi đó, điểm trung bình của xu hướng hướng đến lợi ích người khác trong quan hệ khá cao (Mean =3.41), còn xu hướng hướng đến lợi ích bản thân thấp hơn nhiều (Mean =2.89), điều này cho thấy trong giao tiếp của học sinh THCS, xu hướng quan tâm tới người khác, vì người khác, vì bạn lớn hơn so với hướng đến công việc và vì mục tiêu lợi ích bản thân.

Về khí chất, các biểu hiện bình thản (Mean =3.34), linh hoạt (Mean =3.25) và ưu tư (Mean =3.12) có điểm trung bình cao hơn so với biểu hiện nóng nảy (Mean =2.43); trong đó bình thản có điểm trung bình cao hơn khí chất linh hoạt và ưu tư.

Theo phương diện khác, việc học tập giao tiếp từ người khác cũng được học sinh Trung học cơ sở chú ý. Điểm trung bình học tập giao tiếp từ người khác của các em khá cao: Mean =3.29.

Vấn đề đặt ra là những biểu hiện nêu trên có tương quan như thế nào đến năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của các em. Kết quả kiểm định tương quan giữa điểm trung bình của các yếu tố với điểm trung bình năng lực tác động xã hội của học sinh khảo sát được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Mối tương quan giữa điểm năng lực tác động của học sinh với các yếu tố phong cách, khí chất, mô hình nhân cách, học tập giao tiếp, yếu tố tác động

Yếu tố	R	R ²	B	SE of B	p
Phong cách độc đoán	0.059	0.004	0.069	0.034	0.042
Phong cách dân chủ	0.599	0.358	0.479	0.019	0.000
Phong cách tự do	0.421	0.177	0.382	0.024	0.000
Phong cách hướng đến công việc	0.502	0.252	0.472	0.024	0.000
Phong cách hướng đến con người	0.592	0.350	0.500	0.020	0.000
Hướng ngoại	0.224	0.050	0.261	0.033	0.000
Hướng nội	0.324	0.105	0.250	0.021	0.000
Khí chất Nóng nảy	0.118	0.014	0.139	0.034	0.000
Linh hoạt	0.493	0.243	0.394	0.020	0.000
Ưu tư	0.214	0.046	0.142	0.019	0.000
Bình thản	0.434	0.189	0.367	0.022	0.000
Xu hướng hướng đến lợi ích của người khác	0.632	0.399	0.527	0.019	0.000
Xu hướng hướng đến lợi ích của bản thân	0.341	0.116	0.279	0.023	0.000
Học tập giao tiếp	0.527	0.278	0.465	0.022	0.000

Ghi chú: R: Hệ số tương quan; B: Hệ số hồi quy; SE: Sai số chuẩn của hệ số hồi quy.

Các số liệu bảng 4 cho thấy tất cả các biến về phong cách, xu hướng giao tiếp, khí chất và học tập giao tiếp đều có tương quan thuận ở các mức độ với năng lực tác động tới người khác trong giao tiếp của học sinh được khảo sát. Cụ thể:

Có mối tương quan thuận ở mức vừa giữa năng lực tác động tới người khác trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở với các yếu tố: Phong cách dân chủ ($R = 0,599$; $R^2 = 0,358$; $B = 0,479$; $p < 0,000$); Phong cách hướng đến con người trong giao tiếp ($R = 0,592$; $R^2 = 0,350$; $B = 0,500$; $p < 0,042$); Xu hướng hướng đến lợi ích của người khác ($R = 0,632$; $R^2 = 0,399$; $B = 0,527$; $p < 0,000$); Học tập giao tiếp từ người khác ($R = 0,527$; $R^2 = 0,278$; $B = 0,465$; $p < 0,000$) và phong cách hướng đến công việc ($R = 0,502$; $R^2 = 0,252$; $B = 0,472$; $p < 0,000$).

Có mối tương quan thuận ở mức yếu giữa năng lực tác động tới người khác trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở với các yếu tố: Phong cách tự do ($R = 0,421$; $R^2 = 0,177$; $B = 0,382$; $p < 0,000$); Xu hướng hướng nội ($R = 0,324$; $R^2 = 0,105$; $B = 0,250$; $p < 0,000$) và xu hướng hướng ngoại ($R = 0,224$; $R^2 = 0,050$; $B = 0,261$; $p < 0,000$); Các loại khí chất linh hoạt ($R = 0,493$; $R^2 = 0,243$; $B = 0,394$; $p < 0,000$); bình thản ($R = 0,434$; $R^2 = 0,189$; $B = 0,367$; $p < 0,000$); ưu tư ($R = 0,214$; $R^2 = 0,046$; $B = 0,142$; $p < 0,000$) và xu hướng hướng đến lợi ích của bản thân trong giao tiếp ($R = 0,341$; $R^2 = 0,116$; $B = 0,279$; $p < 0,000$).

Có tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức rất yếu giữa điểm trung bình năng lực tác động tới người khác với phong cách độc đoán trong giao tiếp ($R = 0,059$; $R^2 = 0,004$; $B = 0,069$; $p < 0,042$) và khí chất nóng nảy của học sinh trung học cơ sở ($R = 0,118$; $R^2 = 0,014$; $B = 0,139$; $p < 0,000$).

2.2.4. Tương quan hồi quy đa biến các yếu tố liên quan tới năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở

Các yếu tố được đưa vào mô hình tương quan hồi quy đa biến với năng lực tác động tới người khác trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở là khối lớp, sự tham gia công tác tập

thể; phong cách; xu hướng giao tiếp; khí chất và học tập giao tiếp của học sinh. Kết quả của các mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được trình bày ở Bảng 5.

**Bảng 5. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến
các yếu tố liên quan tới năng lực tác động của học sinh**

TT	Yếu Tố		B	SE	95%CI of B		P
					Lower Bound	Upper Bound	
1	Lớp	6					
		7	0.016	0.003	0.003	0.024	0.008
		8	0.020	0.006	0.001	0.027	0.012
		9	0.021	0.009	0.002	0.039	0.030
2	Tham gia công tác		0.054	0.024	0.100	0.007	0.024
3	Học Tập	Giỏi					
		Khá	0.014	0.016	-0.018	0.047	0.390
		Trung bình/yếu	0.012	0.014	-0.021	0.032	0.254
4	Phong cách độc đoán		0.047	0.026	-0.003	0.098	0.066
5	Phong cách dân chủ		0.176	0.021	0.135	0.216	0.000
6	Phong cách tự do		0.059	0.020	0.020	0.098	0.003
7	Phong cách hướng đến công việc		0.110	0.021	0.069	0.152	0.000
8	Phong cách hướng đến con người		0.138	0.021	0.096	0.180	0.000
11	Xu hướng hướng ngoại		0.080	0.024	0.033	0.127	0.001
12	Xu hướng hướng nội		0.028	0.018	-0.006	0.063	0.110
13	Khí chất Nóng nảy		0.017	0.024	-0.029	0.063	0.474
14	Khí chất linh hoạt		0.059	0.018	0.023	0.095	0.001
15	Khí chất ưu tư		-0.008	0.015	-0.038	0.021	0.574
16	Khí chất bình thản		0.049	0.019	0.012	0.085	0.009
17	Học tập giao tiếp từ người khác		0.134	0.020	0.094	0.174	0.000
18	Xu hướng hướng đến lợi ích của người khác		0.141	0.023	0.096	0.186	0.000
19	Xu hướng hướng đến lợi ích của bản thân		0.078	0.018	0.042	0.113	0.000
	R=0.797; R ² =0.635; R ² _{adjust} = 0.629; F = 110.500; P _{anova} < 0.001; B ₀ = 0.324						

Ghi chú: R: Hệ số tương quan; B: Hệ số hồi quy; SE: Sai số chuẩn của hệ số hồi quy; 95% CI là khoảng tin cậy của hệ số hồi quy.

Mô hình giải thích được 63,5% sự biến thiên của năng lực tác động tới người khác trong mối tương quan với các yếu tố.

Có 20 mô hình hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố liên quan tới năng lực tác động của học sinh được khảo sát, trong đó có 14 mô hình có tính dự báo ảnh hưởng tới năng lực tác động xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở. Cụ thể: Các yếu tố về khối lớp học và sự tham gia công tác tập thể của học sinh. Các phong cách giao tiếp dân chủ, tự do, hướng đến công việc và hướng đến con người; các khí chất bình thân và linh hoạt; xu hướng hướng đến lợi ích của người khác và hướng đến lợi ích của bản thân. Việc học tập giao tiếp từ người khác cũng là mô hình dự báo ảnh hưởng đến năng lực tác động xã hội của học sinh trong giao tiếp.

Ngoài 14 mô hình có tính dự báo, có 6 mô hình được khảo sát, nhưng không có tính dự báo về mức độ ảnh hưởng đến năng lực tác động xã hội của học sinh trong giao tiếp: Các mô hình về thành tích học tập của học sinh; xu hướng hướng nội; khí chất nóng nảy và ưu tư.

2.2.5. Thảo luận

Việc khảo sát năng lực tác động tới người khác trong giao tiếp của 1.170 học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 thuộc 10 trường trung học cơ sở của 5 tỉnh/thành trong cả nước cho kết quả đạt mức trung bình theo thang đánh giá 5 bậc (2.95 điểm/5 điểm). Số học sinh có năng lực tác động ở mức cao nhất (mức 5) chiếm tỉ lệ thấp: 4.40% và ở mức thấp nhất (mức 1) gần 10%; còn lại ở các mức trung bình (mức 3), trên trung bình (mức 4) và dưới trung bình (mức 2); trong đó mức trung bình chiếm tỉ lệ cao (40.66%).

Năng lực tác động tới người khác của học sinh trung học cơ sở phản ánh đặc trưng lứa tuổi trong giao tiếp xã hội. Những thành phần liên quan tới *năng lực thể hiện bản thân* như năng lực tạo ấn tượng bằng cử chỉ, ngôn ngữ và trang phục; năng lực phối hợp điệu bộ, cử chỉ của mình với người khác hay thể hiện thái độ và chính kiến một cách mềm mỏng, nhẹ nhàng, có sức thuyết phục v.v *đạt mức cao hơn* các thành phần thể hiện chiều sâu của hoạt động giao tiếp như năng lực lôi cuốn, hấp dẫn suy nghĩ và cảm xúc của người khác theo ý của mình; năng lực tác động đến người khác bằng hành vi và ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng của mình hay năng lực tập trung chú ý vào việc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người khác.

Có sự khác biệt đáng kể về năng lực tác động xã hội giữa học sinh nữ với học sinh nam. Cụ thể, học sinh nữ có năng lực tác động xã hội cao hơn học sinh nam. Điều này có phần khác với nghiên cứu Sangeeta K. Rathod [12] về trí tuệ xã hội của trẻ em, trong đó không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ thanh thiếu niên về trí tuệ xã hội ở các mẫu khảo sát. Các kết quả kiểm định cũng cho thấy năng lực tác động xã hội của học sinh sống ở nông thôn cao hơn năng lực tác động của học sinh ở đô thị. Các nghiên cứu của P.Suresh Prabu [12] và Karanam Mahaboobvali, Dr. S. Vijaya Vardhini [13] trên học sinh trung học cơ sở ở Ấn Độ cũng cho kết quả tương tự.

Năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của học sinh có tương quan thuận với các phong cách, xu hướng giao tiếp; với khí chất thể hiện trong giao tiếp. Năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp cũng tương quan tới việc học tập giao tiếp từ người khác của học sinh. Tuy nhiên, việc kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính đa biến các yếu tố liên quan tới năng lực tác động của học sinh đã cho thấy chỉ có các yếu tố về khối lớp học và sự tham gia công tác tập thể của học sinh; các phong cách giao tiếp dân chủ, tự do, hướng đến công việc và hướng đến con người; các khí chất bình thân và linh hoạt; xu hướng hướng đến lợi ích của người khác và hướng đến lợi ích của bản thân và việc học tập giao tiếp từ người khác là những mô hình dự báo có ảnh hưởng từ mức rất yếu đến mức vừa đến năng lực tác động xã hội của học sinh trong giao tiếp. Còn các yếu tố khác như thành tích học tập của học sinh; xu hướng hướng nội; khí chất nóng nảy và ưu tư không có tính dự báo sự tác động đến năng lực tác động xã hội của học sinh.

3. Kết luận

Trí tuệ xã hội là năng lực giúp cho hoạt động giao tiếp của cá nhân với người khác trở nên thông minh hơn, dễ dàng và hiệu quả hơn; là khả năng thiết lập, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với người khác và khiến cho họ sẵn sàng hợp tác. Trong trí tuệ xã hội, năng lực tác động đến người khác, tạo ra sự tương tác chặt chẽ, sinh động và thuyết phục giữa các thành viên là yếu tố có tính quyết định chất lượng và hiệu quả giao tiếp

Nghiên cứu nhằm xác định mức độ năng lực tác động đến người khác của học sinh trung học cơ sở. Các kết quả cho thấy năng lực tác động đến người khác của học sinh đạt mức trung bình. Nghiên cứu cũng đã xác định được sự khác biệt về giới tính và địa bàn sinh sống của học sinh về mức độ năng lực tác động đến người khác trong trí tuệ xã hội; xác định được mối tương quan và các mô hình có tính dự báo tác động của các yếu tố thuộc về phong cách giao tiếp, xu hướng giao tiếp và khí chất của học sinh tới năng lực tác động đến người khác trong giao tiếp của các em; đặc biệt là phong cách giao tiếp dân chủ, tự do, hướng đến công việc và hướng đến con người; các khí chất bình thản và linh hoạt; xu hướng hướng đến lợi ích của người khác. Những mô hình hồi quy được phát hiện trong nghiên cứu là những gợi ý hữu ích cho các bậc cha mẹ, giáo viên và cho học sinh trong việc nâng cao năng lực trí tuệ xã hội của học sinh trung học cơ sở.

Lời cảm ơn: Bài báo là sản phẩm của đề tài *Nghiên cứu trí tuệ xã hội của học sinh trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới*; mã số B2019-SPH-07; PGS-TS Phan Trọng Ngọ làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thorndike, E.L., 1920. Intelligence and it's use. *Harper's Magazine*, 140, 227- 235.
- [2] Albrecht, K., 2006. *Social intelligence: the new science of success*, Jossey- Bass, AWileyImprint.
- [3] Vernon, P.E., 1933. Some characteristics of the good judge of personality. *Journal of Social Psychology*, 4, 42-57
- [4] O'Sullivan, M., Guilford, J.P., & deMille, R., 1965. The measurement of social intelligence. *Reports from the Psychological Laboratory*, University of Southern California, No. 34.
- [5] Goleman D., 2006. *Social intelligence: The new science of human relationships*. Bantam.
- [6] Guilford, J.P., 1967. *The nature of intelligence*. New York: McGraw- Hill.
- [7] Qingwen Dong, Randall J.Koper, Christine M.Collaco, (2008), Social Intelligence, Self-esteem ,and Intercultural Communication Sensitivity, *Intercultural Communities Studies* XVII, page162 –172.
- [8] Ronald E Riggio, 2014. *what is social intelligence why does it matter*, psychologytoday, Cutting Edge Leadership.
- [9] Nguyễn Công Khanh, 2011. “Trí tuệ xã hội và các mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số71, trang 14 - 17.
- [10] Pintoa, J.C., Fariab, L., and Taveirac. M., 2007. Social intelligence in Portuguese Students: Differences According to the School Grade, *Social and Behavioral Sciences* 116, pape 56-62.
- [11] Kiều Thị Thanh Trà, 2014. Mặt thể hiện bản thân trong trí tuệ xã hội của sinh viên trường đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh* Số 63 năm 2014 Tr 55-61

- [12] P.Suresh Prabu, 2015. A study on Social Intelligence among arts and science college students. *Scholarly Research Journal for humanities Science & English Language*, 2 (7), pp.1050-1056.
- [13] Karanam Mahaboobvali, Dr. S. Vijaya Vardhini, 2016. Social Intelligence of Secondary School Teachers, *International Journal of Informative & Futuristic Research*, Vol.3, Issue 9, pp.3318-3326.
- [14] Sangeeta K. Rathod, 2017. A Study of Social Intelligence and Personality among Adolescence, *Journal of Nursing and Health Science*, Volume 6, Issue 5 Ver. VII., p.36-39
- [15] Obilor Esezi Isaac, Ikpa Augustine Ikechukwu, 2019. Social Intelligence and Academic Achievement of Students in Selected Senior Secondary Schools in Rivers State, *International Journal of Innovative Social Sciences & Humanities Research* 7(2), pp.93-100.

ABSTRACT

CLARITY IN SOCIAL INTELLIGENCE OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS

Phan Trong Ngo

Faculty of Psychology and Education, Hanoi National University of Education

This study was conducted on 1170 students at 10 secondary schools in 5 provinces in Vietnam. Survey results determined student's clarity on others at medium level. The Clarity to others of surveyed students was correlated with factors such as: communication style, communication trends and temperament of students in communicating and learning from others. The results of multiple linear regression model of factors have been determined the prediction of the effects of the above factors. The predictive discovered models in the study have been useful suggestions for parents, teachers and students, helping them to improve Clarity in social intelligence of secondary school students.

Keywords: Social intelligence, structure of social intelligence, Clarity, Communication style, Communication trends, Temperament, Secondary school students.